

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế phối hợp quản lý nhà nước trong công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Cà Mau

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính số 15/2012/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 67/2020/QH14, Luật số 56/2024/QH15 và Luật số 88/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 19/2020/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ kiểm tra, xử lý kỷ luật trong thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 93/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 68/2025/NĐ-CP và Nghị định số 190/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 01/2023/TT-BTP ngày 16 tháng 01 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chế độ báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 19/2025/TT-BTP;

Căn cứ Thông tư số 20/2025/TT-BTP ngày 06 tháng 11 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 19/2020/NĐ-CP về kiểm tra, xử lý kỷ luật trong thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 93/2025/NĐ-CP;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 132/TTr-STP ngày 17 tháng 4 năm 2026 về việc dự thảo Quyết định ban hành Quy chế phối hợp quản lý nhà nước trong công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Cà Mau;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định ban hành quy chế phối hợp quản lý nhà nước trong công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp quản lý nhà nước trong công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 09 tháng 5 năm 2026. Quyết định số 29/2023/QĐ-UBND ngày 25 tháng 10 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau ban hành Quy chế phối hợp quản lý nhà nước trong công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Cà Mau hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tư pháp, Thủ trưởng các sở, ban ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (Cục KTVB&TCTHPL);
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh; (để b/c);
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, VP (Tâm-307), M.A899/4.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lâm Văn Bi

QUY CHẾ

Phối hợp quản lý nhà nước trong công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Cà Mau
(Ban hành kèm theo Quyết định số /2026/QĐ-UBND)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định nguyên tắc, nội dung, hình thức và trách nhiệm phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị liên quan trong quản lý nhà nước đối với công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; các tổ chức thuộc cơ quan Trung ương được tổ chức theo ngành dọc đóng trên địa bàn tỉnh (gọi chung là các sở, ban, ngành tỉnh).
- Ủy ban nhân dân các xã, phường (gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp xã).
- Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

Điều 3. Nguyên tắc phối hợp

- Việc phối hợp quản lý nhà nước trong công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính được thực hiện trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan quản lý nhà nước trong công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.
- Bảo đảm sự chủ động của cơ quan chủ trì; sự phối hợp thường xuyên, chặt chẽ, kịp thời của các cơ quan, đơn vị liên quan trong quản lý nhà nước về công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.
- Bảo đảm tính thống nhất, không chồng chéo trong quản lý nhà nước về công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính, không làm ảnh hưởng đến hoạt động của các cơ quan, đơn vị liên quan.

Điều 4. Nội dung phối hợp

- Tổ chức triển khai, xây dựng, hoàn thiện pháp luật và theo dõi thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

2. Phổ biến, tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

3. Lập hồ sơ, thủ tục xử lý vi phạm hành chính thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Kiểm tra việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

5. Thanh tra việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

6. Thống kê về xử lý vi phạm hành chính.

7. Báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

Điều 5. Hình thức phối hợp

1. Trao đổi ý kiến, cung cấp thông tin, tài liệu có liên quan đến công tác xử lý vi phạm hành chính.

2. Tổ chức các cuộc họp; hội nghị sơ kết, tổng kết.

3. Tham gia đoàn kiểm tra, thanh tra.

4. Các hình thức khác.

Chương II

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ PHỐI HỢP THỰC HIỆN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC TRONG CÔNG TÁC THI HÀNH PHÁP LUẬT VỀ XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH

Điều 6. Tổ chức triển khai, xây dựng, hoàn thiện pháp luật và theo dõi thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính

1. Sở Tư pháp có trách nhiệm tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Tổ chức triển khai các nhiệm vụ quản lý nhà nước trong thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh;

b) Nghiên cứu, rà soát, xây dựng, hoàn thiện chính sách, pháp luật về xử lý vi phạm hành chính theo quy định;

c) Theo dõi việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính;

d) Tổng hợp các kiến nghị, phản ánh của các cá nhân, tổ chức, báo chí về những bất cập, khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện pháp luật về xử lý vi phạm hành chính, kiến nghị cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung cho phù hợp;

đ) Tham gia ý kiến đối với hồ sơ xử lý vi phạm hành chính theo đề nghị của cơ quan, người có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính;

e) Tổ chức hội nghị, hội thảo, tọa đàm; sơ kết, tổng kết tình hình thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh để đánh giá công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

2. Các sở, ban, ngành tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm

a) Tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong phạm vi lĩnh vực, địa bàn quản lý;

b) Rà soát, theo dõi tình hình thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong phạm vi lĩnh vực, địa bàn quản lý;

c) Phối hợp với các cơ quan liên quan trong hoạt động triển khai, xây dựng, hoàn thiện và theo dõi thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính;

d) Tổng hợp các phản ánh, kiến nghị về những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện pháp luật về xử lý vi phạm hành chính thuộc phạm vi, lĩnh vực, địa bàn quản lý; kịp thời kiến nghị cơ quan, người có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ các quy định không khả thi, không phù hợp với thực tiễn.

Điều 7. Phổ biến, tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính

1. Sở Tư pháp có trách nhiệm

a) Biên soạn tài liệu dưới các hình thức phù hợp để phục vụ công tác phổ biến, tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

b) Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính cho người làm công tác xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh.

c) Phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện việc phổ biến, tập huấn, bồi dưỡng chuyên sâu về kỹ năng xử lý vi phạm hành chính.

2. Các sở, ban, ngành tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tuyên truyền, phổ biến pháp luật, tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ về xử lý vi phạm hành chính cho người làm công tác xử lý vi phạm hành chính thuộc phạm vi lĩnh vực, ngành, địa phương quản lý.

Điều 8. Lập hồ sơ, thủ tục xử lý vi phạm hành chính thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Trách nhiệm của cơ quan thụ lý vụ việc vi phạm hành chính

a) Khi phát hiện hành vi vụ việc hành chính thuộc thẩm quyền xử phạt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, cơ quan thụ lý có trách nhiệm lập hồ sơ vụ việc, thu thập các tài liệu, chứng cứ liên quan, lập biên bản vi phạm hành chính và dự thảo quyết định trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, ký ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính đảm bảo đúng thời hạn theo quy định tại Điều 58 Luật Xử lý vi phạm hành chính số 15/2012/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 29 Điều 1 Luật số 67/2020/QH14, khoản 9 Điều 1 Luật số 88/2025/QH15 và khoản 9 Điều 12 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xử phạt vi phạm hành chính được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 6 Điều 1 Nghị định số 68/2025/NĐ-CP, khoản 4 Điều 1 Nghị định số 190/2025/NĐ-CP.

b) Thực hiện việc xác minh tình tiết vụ việc vi phạm hành chính khi được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao hoặc khi phát hiện Biên bản vi phạm hành chính do đơn vị lập có sai sót hoặc không thể hiện đầy đủ, chính xác các nội dung theo quy định tại khoản 6 Điều 58 Luật Xử lý vi phạm hành chính số 15/2012/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 29 Điều 1 Luật số 67/2020/QH14.

c) Tổ chức thực hiện Quyết định xử phạt vi phạm hành chính khi được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính, bao gồm theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc chấp hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính của cá nhân, tổ chức bị xử phạt.

d) Thực hiện các thủ tục xác minh điều kiện để áp dụng biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt đối với trường hợp cá nhân, tổ chức bị xử phạt không tự nguyện chấp hành quyết định xử phạt theo quy định của pháp luật.

đ) Thực hiện việc lưu trữ hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại Điều 57 Luật Xử lý vi phạm hành chính số 15/2012/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi điểm b khoản 29 Điều 1 Luật số 88/2025/QH15.

2. Trách nhiệm của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Kiểm tra hồ sơ, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính và áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả theo đúng quy định của pháp luật.

b) Phối hợp với các cơ quan liên quan chuẩn bị các điều kiện bảo đảm cho việc tổ chức giải trình (nếu có) theo quy định tại Điều 61 Luật Xử lý vi phạm hành chính số 15/2012/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 30 Điều 1 Luật số 67/2020/QH14.

c) Chuyển toàn bộ hồ sơ tại điểm a, b khoản 2 Điều này cho cơ quan, đơn vị tại khoản 1 Điều này thực hiện việc lưu trữ hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính theo quy định.

d) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

3. Trong trường hợp cần thiết, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh có văn bản giao cho Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với sở, ngành, đơn vị liên quan rà soát, thẩm tra hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính để đảm bảo việc quyết định xử phạt vi phạm hành chính đúng theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Kiểm tra việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính

1. Sở Tư pháp có trách nhiệm tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch kiểm tra, thành lập đoàn kiểm tra liên ngành để kiểm tra việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính theo quy định tại Điều 8, Điều 12 Nghị định số 19/2020/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ kiểm tra, xử lý kỷ luật trong thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 2, khoản 4 Điều 1 Nghị định số 93/2025/NĐ-CP.

2. Các sở, ban, ngành tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tổ chức kiểm tra công tác xử lý vi phạm hành chính thuộc ngành, lĩnh vực, địa bàn quản lý.

Điều 10. Thanh tra việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính

1. Các sở, ban, ngành tỉnh phối hợp với Sở Tư pháp kiến nghị cơ quan Thanh tra tỉnh thực hiện thanh tra việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính khi có kiến nghị, phản ánh của cá nhân, tổ chức, báo chí về việc áp dụng pháp luật về xử lý vi phạm hành chính gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức thuộc phạm vi lĩnh vực, địa bàn quản lý.

2. Sở Tư pháp có trách nhiệm

a) Kiến nghị Thanh tra tỉnh thanh tra việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên cơ sở kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính hoặc trong trường hợp có kiến nghị, phản ánh của cá nhân, tổ chức, báo chí về việc áp dụng pháp luật về xử lý vi phạm hành chính gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức hoặc theo kế hoạch.

b) Đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định thanh tra đối với vụ việc xử lý vi phạm hành chính có dấu hiệu của hành vi vi phạm trong thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính quy định tại Điều 22 Nghị định số 19/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 12 Điều 1 Nghị định số 93/2025/NĐ-CP được phát hiện trong quá trình kiểm tra việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

3. Hoạt động thanh tra việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính được thực hiện theo quy định của pháp luật về thanh tra.

Điều 11. Thông kê về xử lý vi phạm hành chính

1. Các sở, ban, ngành tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện công tác thống kê về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực, địa bàn quản lý để làm cơ sở đánh giá tình hình, dự báo xu hướng vi phạm pháp luật hành chính, đề xuất giải pháp khắc phục, hoàn thiện chính sách, pháp luật, phục vụ quản lý nhà nước trong công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính; phối hợp với Sở Tư pháp thực hiện việc thống kê về xử lý vi phạm hành chính của tỉnh theo quy định và hướng dẫn của Bộ Tư pháp.

2. Thông tin thống kê về xử lý vi phạm hành chính được thu thập theo quy định của pháp luật về thống kê.

Điều 12. Báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính

1. Báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính định kỳ hàng năm.

a) Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính của cơ quan, đơn vị, địa phương gửi về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Tư pháp);

b) Sở Tư pháp giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện tổng hợp, báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh để gửi Bộ Tư pháp theo quy định;

c) Nội dung và thời gian chốt số liệu báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính theo quy định của Chính phủ và Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định về chế độ báo cáo trong công tác quản lý thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

2. Báo cáo đột xuất, báo cáo theo chuyên đề về thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính được thực hiện theo yêu cầu của cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền.

Chương III **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 13. Kinh phí thực hiện

1. Kinh phí phục vụ cho công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính của cơ quan, đơn vị thuộc cấp nào do ngân sách nhà nước cấp đó đảm bảo theo phân cấp ngân sách và được bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước hàng năm của cơ quan, đơn vị.

2. Việc lập dự toán, quản lý, thanh toán và quyết toán kinh phí được thực hiện theo quy định.

Điều 14. Triển khai thực hiện

1. Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Quy chế này.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có phát sinh khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời đến Sở Tư pháp để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.